

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 193 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng
phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các Cảng vụ hàng không**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Công văn số 1918/BTC-QLCS ngày 01/3/2023 của Bộ Tài chính về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các Cảng vụ hàng không;

Xét đề nghị của Cục Hàng không Việt Nam tại các văn bản số 3168/CHK-KHĐT ngày 13/7/2022, số 4948/CHK-KHĐT ngày 17/10/2022, số 6456/CHK-KHĐT ngày 20/12/2022, số 6694/CHK-KHĐT ngày 30/12/2022 và số 529/CHK-KHĐT ngày 6/2/2023 về xây dựng định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với nhà làm việc của Cảng vụ hàng không theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng tối đa phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các Cảng vụ hàng không, cụ thể:

1. Diện tích chuyên dùng trụ sở làm việc chính của 03 Cảng vụ hàng không miền Bắc, miền Trung, miền Nam: Tối đa là 830m²/01 Cảng vụ (Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm).

2. Diện tích chuyên dùng trụ sở làm việc của Đại diện Cảng vụ hàng không tại 19 Cảng hàng không địa phương: Tối đa là 272m²/01 Cảng vụ (Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm).

3. Diện tích chuyên dùng trụ sở làm việc của Cảng vụ hàng không quốc tế Long Thành: Tối đa là 497m² (Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm).

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Giám đốc các Cảng vụ hàng không (miền Bắc, miền Trung, miền Nam) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Cục QLCS - Bộ Tài chính;
- Vụ: KHĐT; KCHTGT;
- Công TTĐT của Bộ GTVT (để công khai);
- Lưu: VT, TC (Thp).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Anh Tuấn

Phụ lục 01:

**PHẠM VI DIỆN TÍCH CHUYÊN DỤNG
TRỤ SỞ LÀM VIỆC CHÍNH CỦA CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG**

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-BGTVT ngày 09/03/ 2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Áp dụng cho 03 Cảng vụ gồm:

1. Cảng vụ hàng không miền Bắc tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.
2. Cảng vụ hàng không miền Trung tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng.
3. Cảng vụ hàng không miền Nam tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

Số TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m ²)	Ghi chú
	Tổng cộng	830	
1	Phòng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	48	Diện tích được xác định theo yêu cầu công việc tại bộ phận 1 cửa
2	Phòng tiếp dân	47	Gồm: Diện tích làm việc của cán bộ; Diện tích chờ giải quyết công việc của công dân
3	Phòng quản trị hệ thống công nghệ thông tin	90	Gồm: Diện tích làm việc của cán bộ; Diện tích bố trí cho hệ thống máy móc
4	Phòng họp lớn (từ 100 chỗ trở lên)	408	
5	Kho chuyên ngành (Kho lưu trữ tang vật cho các hoạt động đặc thù ngành hàng không)	30	Theo nhu cầu và phạm vi hoạt động của cảng vụ hàng không
6	Diện tích đặc thù khác	207	
6.1	Phòng nghỉ trực đêm của lãnh đạo	14	Gồm: Diện tích nghỉ cho cán bộ lãnh đạo trực đêm; Các diện tích phụ trợ khác
6.2	Phòng nghỉ trực đêm của nhân viên	64	Gồm: Diện tích nghỉ cho các cán bộ trực đêm; Các diện tích phụ trợ khác
6.3	Phòng làm việc cho cán bộ ngành hàng không vào công tác biệt phái	30	Tính theo tiêu chuẩn diện tích làm việc 10m ² /người
6.4	Phòng nghỉ cho cán bộ ngành hàng không vào công tác biệt phái	37	Gồm: Diện tích nghỉ cho các cán bộ; Các diện tích phụ trợ khác
6.5	Phòng giải quyết sự vụ	62	Gồm: Diện tích làm việc của cán bộ; Diện tích chờ giải quyết công việc của người vi phạm cần xử lý.

Phụ lục 02:

**ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG
TRỤ SỞ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG
TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số 193/QĐ-BGTVT ngày 09/03/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Áp dụng cho Đại diện Cảng vụ hàng không tại 19 Cảng hàng không địa phương gồm:

1. Đại diện Cảng vụ hàng không miền Bắc tại Cảng hàng không: Điện Biên, Cát Bi, Vân Đồn, Vinh, Thọ Xuân, Đồng Hới.
2. Đại diện Cảng vụ hàng không miền Trung tại Cảng hàng không: Phú Bài, Cam Ranh, Phù Cát, Chu Lai, Tuy Hòa, Pleiku.
3. Đại diện Cảng vụ hàng không miền Nam tại Cảng hàng không: Buôn Ma Thuột, Liên Khương, Phú Quốc, Cần Thơ, Cà Mau, Côn Đảo, Rạch Giá.

Số TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m ²)	Ghi chú
	Tổng cộng	272	
1	Phòng cho hoạt động tiếp dân và nhận/trả hồ sơ hành chính	20	Gồm: Diện tích làm việc của cán bộ; Diện tích chờ giải quyết công việc của công dân và nhận/ trả thủ tục tại bộ phận 1 cửa
2	Phòng quản trị hệ thống công nghệ thông tin	60	Gồm: Diện tích làm việc của cán bộ; Diện tích bố trí cho hệ thống máy móc
3	Kho chuyên ngành (Kho lưu trữ tang vật cho các hoạt động đặc thù ngành hàng không)	15	Theo nhu cầu và phạm vi hoạt động của cảng vụ hàng không
4	Diện tích đặc thù khác	177	
4.1	Phòng nghỉ trực đêm của lãnh đạo	14	Gồm: Diện tích nghỉ cho cán bộ lãnh đạo trực đêm; Các diện tích phụ trợ khác
4.2	Phòng nghỉ trực đêm của nhân viên	46	Gồm: Diện tích nghỉ cho các cán bộ trực đêm; Các diện tích phụ trợ khác
4.3	Phòng làm việc cho cán bộ ngành hàng không công tác biệt phái	30	Tính theo tiêu chuẩn diện tích làm việc 10m ² /người
4.4	Phòng nghỉ cho cán bộ ngành hàng không công tác biệt phái	37	Gồm: Diện tích nghỉ cho cán bộ; Các diện tích phụ trợ khác
4.5	Phòng giải quyết các sự vụ	50	Gồm: Diện tích làm việc của cán bộ; Diện tích chờ giải quyết công việc của người vi phạm cần xử lý.

Phụ lục 03:

ĐÌNH MỨC DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG
TRUNG TÂM VIỆC CỦA ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG
TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ LONG THÀNH

(Kèm theo Quyết định số 193/QĐ-BGTVT ngày 09/03/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Số TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m ²)	Ghi chú
	Tổng cộng	497	
1	Phòng cho hoạt động tiếp dân và nhận/trả hồ sơ hành chính	48	Gồm: Diện tích làm việc của cán bộ; Diện tích chờ giải quyết công việc của công dân và nhận/ trả thủ tục tại bộ phận 1 cửa
2	Phòng quản trị hệ thống công nghệ thông tin	80	Gồm: Diện tích làm việc của cán bộ; Diện tích bố trí cho hệ thống máy móc
3	Kho chuyên ngành (Kho lưu trữ tang vật cho các hoạt động đặc thù ngành hàng không)	30	
4	Phòng họp lớn (từ 100 chỗ trở lên)	132	Theo nhu cầu và phạm vi hoạt động của cảng vụ hàng không
5	Diện tích đặc thù khác	207	
5.1	Phòng nghỉ trực đêm của lãnh đạo	14	Gồm: Diện tích nghỉ cho cán bộ lãnh đạo trực đêm; Các diện tích phụ trợ khác
5.2	Phòng nghỉ trực đêm của nhân viên	64	Gồm: Diện tích nghỉ cho cán bộ trực đêm; Các diện tích phụ trợ khác
5.3	Phòng làm việc cho cán bộ ngành hàng không vào công tác biệt phái	30	Tính theo tiêu chuẩn diện tích làm việc 10m ² /người
5.4	Phòng nghỉ cho cán bộ ngành hàng không vào công tác biệt phái	37	Gồm: Diện tích nghỉ cho các cán bộ; Các diện tích phụ trợ khác
5.5	Phòng giải quyết các sự vụ	62	Gồm: Diện tích làm việc của cán bộ; Diện tích chờ giải quyết công việc của người vi phạm cần xử lý.